

Các cơ quan, tổ chức, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng đất trồng lúa

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ được xác định theo số liệu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất của năm liền kề trước năm kế hoạch; Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao của năm liền kề trước năm kế hoạch. Riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025, diện tích đất trồng lúa là số liệu thống kê đất đai của tỉnh năm 2023 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

b) Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

c) Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ do địa phương quy định thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Các địa phương sản xuất lúa với đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất.

c) Cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

a) Đối với nguồn ngân sách trung ương bổ sung trong dự toán: Hỗ trợ kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố, thị xã theo tiêu chí diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo định mức quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Đối với nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách nhà nước tỉnh theo quy định khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, hỗ trợ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo định mức như sau: Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh 15% trên tổng nguồn kinh phí; phần kinh phí còn lại 85% hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.